

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP. ĐÀ NẴNG**

Số: 232/2019/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cẩm Lệ, ngày 23 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 122/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Th, sinh năm: 1982

Bị đơn: Ông Phạm Phú Tr, sinh năm: 1979

Cùng địa chỉ: số 01 đường C, tổ 19, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng

Căn cứ vào các điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 và 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị Th và ông Phạm Phú Tr.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Th và ông Phạm Phú Tr tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Trương Thị Th nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phạm Thị Minh Th, sinh ngày 23/7/2004. Ông Phạm Phú Tr tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng (Một triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, kể từ tháng 9/2019.

Đối với con Phạm Phú T, sinh ngày 02/5/2001 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng); án phí về việc cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) bà Trương Thị Th tự nguyện chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà Th đã nộp theo biên lai thu số 0005725, ngày 09 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, bà Th đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- TAND tp. Đà Nẵng;
- UBND phường Hòa Xuân, q. Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lệ Hằng

